

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 436/2018/HC-PT

Ngày 18 - 10 - 2018

V/v khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất
đai và yêu cầu bồi thường thiệt hại

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hòa Hiệp;

Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Ý;

Bà Huỳnh Thanh Duyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ưc Minh Thanh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 140/2018/TL-HC ngày 09 tháng 4 năm 2018 về việc: “khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai và yêu cầu bồi thường thiệt hại”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 01/2018/HC-ST ngày 26 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 850/2018/QĐ-PT ngày 28 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà **Huỳnh Thị Đ**, sinh năm 1942; Địa chỉ: Khu phố 4, thị trấn N, huyện H, tỉnh Bình Thuận (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Nguyễn Thị O**, sinh năm 1966; Địa chỉ: Thôn L1, thị trấn L2, huyện L, tỉnh Bình Thuận. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Trần Thanh H1, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

- *Người bị kiện:* **Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H.**

Người đại diện theo pháp luật: Ông Văn Quý N1 – Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trác Xuân C – Phó Chủ tịch.(có mặt)

(Theo giấy ủy quyền ngày 02/8/2017)

- *Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1/ Phòng Tài nguyên và môi trường huyện H.

Người đại diện:

1.1 Ông Hoàng Xuân T – Trưởng phòng Tài nguyên và môi trường huyện H (có mặt).

1.2 Ông Lê Đình D – Chuyên viên phòng Tài nguyên và môi trường huyện H (có mặt).

2/ Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện H.

Người đại diện: Ông Huỳnh Tấn P – Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn N. (có mặt)

3/ Bà Đặng Thị Đ1, sinh năm 1966; Địa chỉ: Khu phố 04, thị trấn N, huyện H, tỉnh Bình Thuận. (có mặt)

- *Người kháng cáo:* Bà Huỳnh Thị Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản đối thoại và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện là bà Nguyễn Thị O trình bày:

Bà Huỳnh Thị Đ yêu cầu Tòa án hủy Quyết định cưỡng chế thi hành quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 44/QĐ-CC, số 45/QĐ-CC cùng ngày 11/4/2017 của Ủy ban nhân dân (UBND) huyện H, đồng thời giải quyết cho gia đình bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 3.567,68m². Bồi thường thiệt hại về hoa màu, cây cối lâu năm do hành vi cưỡng chế không đúng quy định pháp luật gây ra.

Vì nguồn gốc diện tích đất 3.567,68m² là do bà Huỳnh Thị Đ nhận sang nhượng và khai hoang sử dụng ổn định từ năm 1984 cho đến nay, không tranh chấp với ai; trong quá trình sử dụng, bà Đ có xây nhà và trồng cây cối, hoa màu trên đất nhưng không bị chính quyền địa phương xử phạt. Do vậy, theo quy định

tại Điều 12, Điều 50 của Luật đất đai năm 2003 thì bà Đ đủ điều kiện được xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đối diện tích đất 3.567,68m².

Ngoài ra, bà Đ còn yêu cầu UBND huyện H phải bồi thường thiệt hại cho bà Đ do các Quyết định số 44, 45 gây ra; những khoản bồi thường cụ thể thì bà Đ đã kê khai rõ trong đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại do việc cưỡng chế của chính quyền thị trấn N, huyện H gây ra, cụ thể tổng số tiền mà bà Đ yêu cầu UBND huyện H phải bồi thường là 328.000.000đồng.

Đại diện theo ủy quyền của người bị kiện trình bày:

Về nguồn gốc đất liên quan đến tranh chấp:

Ngày 06/5/1985, UBND xã N (cũ) ban hành Quyết định số 37/QĐ-UB về việc thu hồi đất và tạm giao đất thu hồi cho Trường PTCS N 2 quản lý sản xuất và đóng thuế cho Nhà nước. Trong Quyết định số 37 không thể hiện diện tích giao cho trường là bao nhiêu. Tuy nhiên, trong biên bản quy hoạch đất vườn trường lập ngày 22/4/1985 có thể hiện tứ cận như sau:

Phía Đông giáp Tỉnh lộ 2, có độ dài là 155m.

Phía Tây giáp đường xóm N, có độ dài là 4147m.

Phía Nam đường thôn, có độ dài là 135m.

Phía Bắc giáp bờ suối.

Vào thời điểm năm 1985, khi UBND xã N (cũ) giao đất cho Trường PTCS N 2 thì tại địa phương chưa có tiến hành đo đạc, lập bản đồ địa chính. Về sau, khi tiến hành đo đạc, lập bản đồ (bản đồ 299) thì khu đất trên thuộc bản đồ số 16. Sau khi Bộ Quốc phòng tiến hành đo đạc lập bản đồ địa chính (được đưa vào sử dụng năm 2007) thì khi đất trên thuộc tờ bản đồ số 41.

Căn cứ Quyết định số 37 thì Trường PTCS 2 có trách nhiệm sản xuất và đóng thuế cho Nhà nước. Trong quá trình quản lý, sử dụng đất được giao, Trường PTCS N 2 đã giao lại cho các thầy cô giáo dạy trong trường sử dụng đất để trồng lúa cải thiện đời sống, cô N2 được Nhà trường giao cho một phần diện tích đất để trồng lúa, cô N2 sử dụng đến năm 1993 thì giao lại cho ông Phan Văn K sử dụng đến năm 2006, sau đó bà Đ đã lấn chiếm.

Ngày 23/4/2008, Trường tiểu học N 2 có tờ trình số 20/TT-TN2 về việc bà Huỳnh Thị Đ lấn chiếm đất mà UBND xã N (cũ) giao cho trường sử dụng.

Ngày 23/4/2008 và 23/5/2008, UBND thị trấn N đã làm việc với bà Huỳnh Thị Đ và bà Đ đã thừa nhận việc lấn chiếm đất của Nhà nước và bà Đ đã tự viết cam kết trả lại đất cho Nhà trường (sau khi thu hoạch xong vụ mùa năm 2008).

Tuy nhiên, sau khi thu hoạch xong bà Đ không trả lại đất mà tiếp tục trồng lúa vụ mùa năm 2009.

Ngày 01/7/2009, phòng Tài nguyên và môi trường huyện phối hợp cùng UBND thị trấn tiến hành kiểm tra, đo đạc, xác minh và lập biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai đối với bà Đ. Ngày 10/7/2009, Phòng tài nguyên và môi trường huyện đã có tờ trình số 37/TTr-TNMT đề nghị UBND huyện ban hành quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực đất đai đối với bà Đ.

Ngày 16/7/2009, UBND huyện Ban hành Quyết định số 63/QĐ-UBND áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra trong trường hợp không áp dụng xử phạt về lĩnh vực đất đai. Buộc bà Đ chặt toàn bộ cây cối hoa màu khôi phục lại tình trạng đất ban đầu; giao trả diện tích 1.128,8m² đất lấn chiếm (thửa đất số 262, 223, 232 tờ bản đồ số 41) cho UBND thị trấn N quản lý.

Sau đó, bà Đ có đơn khiếu nại Quyết định số 63. Ngày 26/01/2010, UBND huyện ban hành Quyết định số 03/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại lần đầu của bà Huỳnh Thị Đ (ủy quyền cho con gái là bà Nguyễn Thị Thu T1) có nội dung không chấp thuận đơn khiếu nại của bà Đ.

Bà Đ đã nhận và tiếp tục khiếu nại Quyết định số 03. Ngày 13/8/2010, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1802/QĐ-UBND về việc giải quyết lần hai đơn khiếu nại của bà Huỳnh Thị Đ có nội dung công nhận và giữ nguyên nội dung Quyết định số 03 là đúng và yêu cầu các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện quyết định hành chính và hành vi hành chính bị khiếu nại (trong đó có nội dung: UBND thị trấn N tiếp tục củng cố hồ sơ về các thửa đất bà Huỳnh Thị Đ lấn chiếm kiến nghị UBND huyện xử lý theo pháp luật). bà Đ đã nhận Quyết định số 1802 của UBND tỉnh.

Ngày 26/3/2011, UBND thị trấn N tiếp tục lập biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai đối với bà Huỳnh Thị Đ (lấn chiếm thửa đất số 273, 272, 263, 224 tờ bản đồ số 41) và ngày 30/3/2011 UBND thị trấn N có tờ trình số 33/TTr-UBND đề nghị UBND huyện thu hồi đất lấn chiếm. Ngày 14/4/2011, phòng TN&MT huyện đã có tờ trình số 35/TTr-TNMT đề nghị UBND huyện ban hành quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực đất đai đối với bà Đ.

Ngày 26/4/2011, UBND huyện ban hành quyết định số 105/QĐ-KPHQ quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra trong trường hợp không áp dụng xử phạt về lĩnh vực đất đai. Buộc bà Đ chặt bỏ

toàn bộ cây cối hoa màu khôi phục tình trạng của đất ban đầu giao trả diện tích 1.280,4m² đất lần chiếm cho UBND thị trấn N quản lý.

Ngày 16/5/2011, UBND thị trấn N đã giao quyết định số 105/QĐ-KPHQ cho bà Đ nhưng bà Đ không chấp hành nhận quyết định.

UBND thị trấn N, phòng TN&MT đã nhiều lần tiếp xúc, làm việc để phân tích, giải thích và yêu cầu bà Đ chấp hành Quyết định số 63 và số 105 nhưng bà Đ không chấp hành mà vẫn tiếp tục sử dụng diện tích đất 2.409,2m² đất lần chiếm.

Do vậy, UBND huyện ban hành Quyết định cưỡng chế thi hành quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 44/QĐ-CC, 45/QĐ-CC ngày 11/4/2017 đối với bà Huỳnh Thị Đ là đúng quy định pháp luật.

Mặc khác, UBND huyện tổ chức cưỡng chế thu hồi diện tích 2.409,2m² đất bà Huỳnh Thị Đ lần chiếm theo đúng quy định của pháp luật và Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính Phủ về quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính; vì vậy, việc bà Đ yêu cầu được bồi thường thiệt hại về hoa màu, cây cối lâu năm trên đất bị cưỡng chế là không có cơ sở.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên Trường phòng Tài nguyên và môi trường huyện H: Diện tích đất mà Ủy ban cưỡng chế theo Quyết định số 44, 45 đối với bà Huỳnh Thị Đ chỉ có 2.409,2m²; đối với phần diện tích đất mà bà Đ nhận chuyển nhượng của ông Huỳnh N3 (có xác nhận của chính quyền địa phương vào thời điểm đó) theo đo đạc thực địa chỉ có 731,9m² và hiện tại Ủy ban vẫn công nhận phần diện tích đất này cho bà Đ. Diện tích 2.409,2m² mà bà Đ yêu cầu công nhận được xác định là đất do bà Đ lần chiếm của Nhà nước, theo Quyết định 37 ngày 06/5/1985 thì diện tích đất khu vực này là đất do Nhà nước quản lý, thời điểm đó Ủy ban tạm giao cho trường N quản lý, sử dụng sản xuất và đóng thuế cho Nhà nước, tuy nhiên do nhà trường quản lý lỏng lẻo nên để một số hộ dân lần chiếm và trồng lúa; riêng đối với trường hợp của bà Đ thì sau khi lần chiếm, bà Đ có đổ đá, đất để xây nhà nhưng đã bị Ủy ban N lập biên bản đình chỉ xây dựng vào các ngày 09 và 21/4/1997, bà Đ không chấp hành mà tiếp tục xây dựng nên ngày 5/5/1997 Ủy ban tiếp tục kiểm tra, lập biên bản và ra Quyết định xử phạt số 480 ngày 23/10/1997. Đến năm 2001 thì bà Đ tiếp tục tái lần chiếm và địa phương đã mời làm việc, tại các biên bản làm việc tại địa phương thì bà Đ thừa nhận diện tích đất bà Đ lần chiếm là đất của Nhà trường. Việc bà Đ lần chiếm đất do Nhà nước quản lý để sử dụng đã bị chính quyền địa phương nhiều lần xử lý hành chính, do đó việc bà Đ cho rằng bà sử dụng đất hợp pháp và không bị chính quyền xử lý là hoàn toàn không đúng thực tế;

Đối với việc bà Đ cho rằng mua đất của bà N2 thì đề nghị bà Đ cung cấp giấy tờ mua bán có xác nhận của chính quyền địa phương để Tòa án xem xét giải quyết.

Do vậy, việc bà Đ khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định cưỡng chế thi hành quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 44/QĐ-CC,45/QĐ-CC ngày 11/4/2017 của Ủy ban nhân dân huyện H, đồng thời giải quyết cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 3.567,68m² cho gia đình bà Đ được, yêu cầu bồi thường thiệt hại về hoa màu, cây cối lâu năm do hành vi cưỡng chế không đúng quy định pháp luật gây ra là không có căn cứ nên không thể chấp nhận được.

Ý kiến của Đại diện Ủy ban Thị trấn N: Thống nhất với ý kiến của lãnh đạo Ủy ban huyện và Phòng tài nguyên môi trường huyện; theo đó Ủy ban N không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đ. Đồng thời bổ sung thêm: sau khi cưỡng chế (ngày 20/4) thì đến ngày 3/5/2017, bà Đ đã kêu người để bán toàn bộ số cây xà cừ bị cưỡng chế với giá 3.000.000đồng, người mua là ông Bùi R và Ủy ban N đã mời ông này đến làm việc. Cho nên việc bà Đ yêu cầu bồi thường số cây xà cừ với giá 150.000.000đồng là hoàn toàn vô lý.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số: 01/2018/HC-ST ngày 26 tháng 01 năm 2018, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 194 Luật Tổ tụng hành chính;

Điều 42 Luật đất đai năm 2003, Điều 8 Nghị định 197/2004/NĐ-CP; Điều 45, 56 Nghị định 84/2007/NĐ-CP, Điều 14 Nghị định 69/2009/NĐ-CP, Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; khoản 1 Điều 75, khoản 2 Điều 77 Luật đất Đai năm 2013.

Khoản 2 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Đ.

Xác định diện tích đất 2.667m² thuộc các thửa đất số 263, số 224, số 273, số 272, số 262, số 230 cùng tờ bản đồ số 41 tọa lạc tại khu phố 4, thị trấn N, huyện H thuộc quyền sử dụng của bà Huỳnh Thị Đ.

Buộc Ủy ban nhân dân Huyện H phải thực hiện hành vi hành chính ban hành Quyết định phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho bà Huỳnh Thị Đ đối

với diện tích đất bị thu hồi giao cho UBND thị trấn N là 1.935,1m² thuộc các thửa đất số 263/468,9m², số 224/165,1m², thửa số 273/290,3m², số 272/356,1m², thửa số 262 /654,7m² cùng tờ bản đồ số 41 tọa lạc tại khu phố 4, thị trấn N, huyện H theo quy định của pháp luật.

Buộc Ủy ban nhân dân huyện H phải thực hiện hành vi hành chính ban hành quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Huỳnh Thị Đ đối với thửa đất số 230 tờ bản đồ 41 có diện tích 731,9m² tọa lạc tại khu phố 4, thị trấn N, huyện H theo quy định của pháp luật.

Bác yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản, tổn thất về tinh thần của bà Huỳnh Thị Đ.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 9/02/2018, bà Huỳnh Thị Đ kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện bà Huỳnh Thị Đ là bà Nguyễn Thị O vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện hủy Quyết định cưỡng chế thi hành quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 44/QĐ-CC, số 45/QĐ-CC cùng ngày 11/4/2017 của UBND huyện H; đề nghị UBND huyện H chấm dứt hành vi buộc bà giao đất để làm chợ, đồng thời giải quyết cho gia đình bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với toàn bộ diện tích 3.567,68m² đất; bồi thường thiệt hại về hoa màu, cây cối lâu năm do hành vi cưỡng chế không đúng quy định pháp luật gây ra vì nguồn gốc diện tích đất 3.567,68m² là do bà nhận sang nhượng và khai hoang sử dụng ổn định từ năm 1984 cho đến nay, không tranh chấp với ai. Đồng thời, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu về bồi thường thiệt hại về tài sản, tổn thất về tinh thần do hành vi cưỡng chế không đúng.

Người bị kiện, đại diện Chủ tịch UBND huyện H trình bày: Phần diện tích đất mà bà Đ nhận chuyển nhượng của ông Huỳnh N3 (có xác nhận của chính quyền địa phương vào thời điểm đó) theo đo đạc thực địa chỉ có 731,9m² và hiện tại Ủy ban vẫn công nhận phần diện tích đất này cho bà Đ. Diện tích 2.409,2m² mà bà Đ yêu cầu công nhận được xác định là đất do bà Đ lấn chiếm của Nhà nước. Ngày 06/5/1985, Nhà nước đã quản lý toàn bộ diện tích đất ở khu vực này và đã tạm giao cho trường N quản lý, sử dụng sản xuất và đóng thuế cho Nhà nước. Tuy nhiên, do nhà trường quản lý lỏng lẻo nên một số hộ dân lấn chiếm và trồng lúa; riêng bà Đ sau khi lấn chiếm, có đồ đất đá để xây nhà nhưng đã bị Ủy ban xã N lập biên bản đình chỉ xây dựng vào các ngày 09 và 21/4/1997, bà Đ không chấp hành mà tiếp tục xây dựng nên ngày 5/5/1997 Ủy ban tiếp tục kiểm

tra, lập biên bản và ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 480 ngày 23/10/1997. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đ, xác định diện tích đất 2.667m² thuộc các thửa số 263, số 224, số 273, số 272, số 262, số 230 cùng tờ bản đồ số 41 tọa lạc tại khu phố 4, thị trấn N, huyện H thuộc quyền sử dụng của bà Huỳnh Thị Đ là không có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Đại diện ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Phòng Tài nguyên và môi trường huyện H và UBND thị trấn N thống nhất quan điểm của người bị kiện, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính về phiên tòa phúc thẩm. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung, qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định: nguồn gốc diện tích đất 3.567,68m² là do bà Huỳnh Thị Đ nhận sang nhượng và khai hoang sử dụng ổn định từ năm 1984 cho đến nay, không tranh chấp. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đ, xác định diện tích đất 2.667m² thuộc các thửa đất số 263, số 224, số 273, số 272, số 262, số 230 cùng tờ bản đồ số 41 tọa lạc tại khu phố 4, thị trấn N, huyện H thuộc quyền sử dụng của bà Huỳnh Thị Đ, đồng thời tuyên buộc UBND huyện H phải thực hiện hành vi hành chính ban hành quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Huỳnh Thị Đ đối với thửa đất số 230 tờ bản đồ 41 có diện tích 731,9m² tọa lạc tại khu phố 4, thị trấn N, huyện H theo quy định của pháp luật và không chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản, tổn thất về tinh thần của bà Huỳnh Thị Đ, là còn thiếu sót. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm tuyên hủy Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2018/HC-ST ngày 26/01/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận để xét xử lại theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa, có đủ cơ sở để kết luận: Toàn bộ diễn biến vụ án như phần tóm tắt nội dung đã được viện dẫn ở trên, xét kháng cáo của bà Huỳnh Thị Đ trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên như sau:

Về tố tụng:

[1] Ngày 11/4/2017, UBND huyện H ban hành 02 Quyết định cưỡng chế thi hành quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 44/QĐ-CC và số 45/QĐ-CC đối với bà Huỳnh Thị Đ; không đồng ý với 02 Quyết định này của UBND huyện H, ngày 15/6/2017 bà Huỳnh Thị Đ nộp đơn khởi kiện yêu cầu hủy các quyết định nêu trên. Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận thụ lý giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại Điều 30, Điều 32 và Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

[2] Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 19/5/2017 và ngày 15/6/2017, người khởi kiện bà Huỳnh Thị Đ yêu cầu:

1/ Hủy Quyết định số 1802/QĐ-UBND ngày 13/8/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Thuận về việc giữ nguyên Quyết định số 03/QĐ-UBND ngày 26/01/2010 của Chủ tịch UBND huyện H với nội dung lập thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với thửa đất số 230 tờ bản đồ 41 có diện tích 731,9m² tọa lạc tại khu phố 4, thị trấn N, huyện H cho bà Huỳnh Thị Đ, đồng thời không chấp nhận các nội dung khiếu nại khác của bà Đ do bà sử dụng đất lấn chiếm;

2/ Quyết định cưỡng chế thi hành quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 44/QĐ-CC, số 45/QĐ-CC cùng ngày 11/4/2017 của UBND huyện H;

3/ Giải quyết cho gia đình bà Huỳnh Thị Đ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với toàn bộ diện tích 3.567,68m² đất;

4/ Bồi thường thiệt hại về hoa màu, cây cối lâu năm, tổn thất tinh thần do hành vi cưỡng chế không đúng quy định pháp luật gây ra.

[3] Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm không làm rõ các đối tượng khởi kiện vụ án hành chính mà người khởi kiện yêu cầu. Từ đó tại phần nhận định và quyết định của Bản án sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét về thời hiệu khởi kiện, đánh giá tính hợp pháp của các quyết định bị khởi kiện mà tại Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2018/HC-ST ngày 26/01/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận đã tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Đ.

Xác định diện tích đất 2.667m² thuộc các thửa đất số 263, số 224, số 273, số 272, số 262, số 230 cùng tờ bản đồ số 41 tọa lạc tại khu phố 4, thị trấn N, huyện H thuộc quyền sử dụng của bà Huỳnh Thị Đ thửa đất số 263/468,9m², số 224/165,lm², thửa số 273/2903m², số 272/356,lm², thửa số 262/654,7m² cùng tờ bản đồ số 41 tọa lạc tại khu phố 4, thị trấn N, huyện H theo quy định của pháp luật.

Buộc Ủy ban nhân dân huyện H phải thực hiện hành vi hành chính ban

hành quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Huỳnh Thị Đ đối với thửa đất số 230 tờ bản đồ 41 có diện tích 731,9m² tọa lạc tại khu phố 4, thị trấn N, huyện H theo quy định của pháp luật.

Bác yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản, tổn thất về tinh thần của bà Huỳnh Thị Đ.

[4] Việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên công nhận quyền sử dụng đất cho người khởi kiện và buộc người bị kiện thực hiện hành vi hành chính cụ thể cấp giấy chứng nhận cho người khởi kiện như trên là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng đối với thẩm quyền của Hội đồng xét xử sơ thẩm trong vụ án hành chính. Theo quy định tại Điều 193 Luật tố tụng hành chính: *“Chấp nhận một phần hoặc toàn bộ yêu cầu khởi kiện, tuyên hủy một phần hoặc toàn bộ quyết định hành chính trái pháp luật và quyết định giải quyết khiếu nại có liên quan (nếu có); buộc cơ quan nhà nước hoặc người có thẩm quyền trong cơ quan nhà nước thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật”*. Như vậy, theo quy định của luật tố tụng hành chính, trong phạm vi xét xử, Tòa án chỉ được xem xét, đánh giá tính hợp pháp của các quyết định hành chính, hành vi hành chính bị khởi kiện và buộc cơ quan nhà nước hoặc người có thẩm quyền trong cơ quan nhà nước thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật. Nhiệm vụ, công vụ cụ thể như thế nào do thẩm quyền của cơ quan nhà nước đó thực hiện theo quy định của pháp luật.

Do Tòa án cấp sơ thẩm có những vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng như trên nên cần thiết phải hủy toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm, chuyển hồ sơ về cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại theo thủ tục chung nên Hội đồng xét xử không xem xét về nội dung của vụ án.

[5] Do Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm bị kháng cáo đề xét xử sơ thẩm lại nên đương sự kháng cáo không phải nộp án phí phúc thẩm; nghĩa vụ nộp án phí được xác định lại khi giải quyết sơ thẩm lại vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 349 Luật tố tụng hành chính.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 241 Luật tố tụng hành chính năm 2015;

Hủy Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2018/HC-ST ngày 26/01/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử lại theo thủ tục chung.

Án phí hành chính phúc thẩm: bà Huỳnh Thị Đ không phải chịu. Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí bà Huỳnh Thị Đ đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0020999 ngày 02/3/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Văn Ý

Huỳnh Thanh Duyên

Trần Thị Hòa Hiệp